

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tài Em
2. Ông Liêu Tài Ngoánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 1 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số .../2024/QĐXX- ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Mỹ H, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 36, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 36, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn K kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Phan Mỹ H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc K xây dựng hôn nhân vào năm 1990 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới xong vợ chồng sống H phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm; thường xuyên cãi vã nhau, hiện tại chị và anh Nguyễn Quốc K không còn chung sống với nhau đã sống ly thân 06 tháng. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng chị không còn H phúc, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc K.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 03 người con chung tên là Nguyễn Sự Anh, sinh năm 1992, Nguyễn Bé Ngoan, sinh năm 1993, Nguyễn Sự Em, sinh năm 1995 hiện các con đã trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung: Chị H xác định tự thỏa thuận xong và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Đôi với anh Nguyễn Quốc K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến

* Ý kiến của kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Không công nhận chị Phan Mỹ H và anh Nguyễn Quốc K là vợ chồng; Về con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Chị H xác định tự thỏa thuận xong và nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là chị Phan Mỹ H và anh Nguyễn Quốc K, cùng địa chỉ huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Tại tòa, chị Phan Mỹ H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Quốc K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh K tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1990, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình: “ Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý” và khoản 1 Điều 14 “ Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng” và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “ Trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chị H sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau và hiện tại không còn chung sống với nhau và chị cũng không còn tình cảm với nhau nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh K nhưng anh K không đến Tòa để làm việc và cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm với chị H. Xét thấy, vợ chồng phải biết, thương yêu, quý trọng, chăm

sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng chị không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình H phúc mà thường xuyên cãi nhau và hiện tại không còn chung sống với nhau và cũng không có liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng; điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị đã có xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu K kiện của chị H, tuyên bố không công nhận chị H và anh K là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Chị H xác định vợ chồng chị có 03 người con chung hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị H xác định tự thỏa thuận xong và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phan Mỹ H và anh Nguyễn Quốc K là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005196 ngày 04/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nam

